

**CÔNG TY TNHH TRUNG TÂM GIỐNG HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUNG TÂM GIỐNG HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109340879

**3. Ngày thành lập:** 14/09/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 225 Đường Trâu Quỳ, Tổ dân phố An Đào, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                           | 0118        |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                        | 0119        |
| 3.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                                                                                                                                         | 0129        |
| 4.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                            | 0131        |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                             | 0132        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                   | 0161        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                | 0163        |
| 8.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                  | 0164        |
| 9.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                            | 2012        |
| 10. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 11. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác;<br>- Bán buôn hoa và cây;<br>- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)<br>(Trừ loại Nhà nước cấm) | 4620(Chính) |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp                                                                                                                     | 4669        |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh                                                                                               | 4773        |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                        | 4789        |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá và các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                                                                                                           | 4791        |
| 16. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(Không bao gồm thiết kế có chứng chỉ hành nghề)                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                            | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:  
Số giấy chứng thực cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:  
Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ MINH THUY Giới tính: Nam  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 26/09/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 001088013342  
Ngày cấp: 27/09/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố An Đào, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố An Đào, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội